

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Lưu Đức Quang.

2/. Bà Hà Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐHPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Trụ sở: số B L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:

Ông Lôi Quốc D, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A - A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Thiện Ngọc C, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: E C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2024, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lôi Quốc D - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Thiện Ngọc C ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng N) cụ thể là Hợp đồng vay số 298/16/HĐCV/101-

60 ngày 11/7/2016 với số tiền vay là 260.000.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng vay trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C theo Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, Mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark, 5 chỗ ngồi, mới 100% theo hợp đồng mua bán xe ô tô số: 376/1607 ngày 01/07/2016, lãi suất cho vay lãi suất kỳ đầu tiên lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 8.5%/năm (lãi suất được tính theo 01 năm là 365 ngày) cố định trong 12 tháng đầu tiên sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần vào các ngày 11 và LSV = Lãi suất cơ sở (+) biên độ tối thiểu 4%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi là 150% lãi suất trong hạn áp dụng cho phần lãi chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông Trần Thiện Ngọc C trả nợ nhưng ông C vẫn cố tình trốn tránh, không có ý thức trả nợ cho ngân hàng. Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ do đó NCB đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với Hợp đồng tín dụng trên.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thiện Ngọc C phải thanh toán cho N toàn bộ số tiền nợ, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016 tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 63.659.185 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 22.887.000 đồng và nợ lãi trong hạn 16.762.671 đồng; nợ lãi quá hạn 24.009.514 đồng; nợ lãi chậm trả lãi là 14.958.858 đồng. Ngoài ra ông Trần Thiện Ngọc C còn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận của Hợp đồng trên kể từ ngày 20/02/2025 đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng N.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C đến Tòa để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ lãi phạt chậm trả lãi và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện khác.

Bị đơn ông Trần Thiện Ngọc C vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt, bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng tín dụng. Quá trình sử dụng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bị đơn ông Trần Thiện Ngọc C trả số tiền nợ còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Bị đơn Trần Thiện Ngọc C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Xét Giấy ủy quyền số 5938/2024/UQ-BĐH.NCB ngày 05/9/2024 của Ngân hàng TMCP Q ủy quyền cho ông Lôi Quốc D tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Thiện Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Thiện Ngọc C được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1] Xét, Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016, có cơ sở xác định ông Trần Thiện Ngọc C có vay của ngân hàng số tiền 260.000.000 đồng. Đối chiếu bản sao kê do ngân hàng cung cấp ngày 19/02/2025 cho thấy, từ ngày nhận nợ đến nay, ông C đã trả được nợ gốc là 237.113.000 đồng, nợ lãi trong hạn

là 66.765.923 đồng và nợ lãi quá hạn là 178.846 đồng. Như vậy, bị đơn còn thiếu số tiền gốc là 22.887.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất tạm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (19/02/2025) với lãi suất trong hạn là 16.762.671 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 24.009.514 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả (áp dụng cho nợ lãi chậm trả) theo quy định tại theo Điều 2 của Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016 và Điều 6 Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016 của Ngân hàng TMCP Q áp dụng lãi suất trong hạn là “*Lãi suất cho vay lãi suất kỳ đầu tiên lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 8.5%/năm (lãi suất được tính theo 01 năm là 365 ngày) cố định trong 12 tháng đầu tiên sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần vào các ngày 11 và LSV = Lãi suất cơ sở (+) biên độ tối thiểu 4%/năm, mức lãi suất cơ sở nêu trên được N thông báo trong từng thời kỳ*”.

Ngân hàng áp dụng lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là “*150% lãi suất cho vay trong hạn, được áp dụng với nợ gốc (bao gồm cả nợ gốc quá hạn trong trường hợp phải trả nợ trước hạn)*”. Nếu bên B chậm trả nợ lãi thì bên B phải chịu lãi suất quá hạn bằng (=) 150% lãi suất trong hạn áp dụng cho phần lãi chậm trả theo quy định tại Điều 2 và Điều 11 của Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*”. Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 19/02/2025) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 20/02/2025 cho đến khi ông C thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông C.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1.1] Buộc bị đơn ông Trần Thiện Ngọc C có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tính đến ngày 19/02/2025 là 63.659.185 (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn, một trăm tám mươi lăm) đồng. Trong đó, tiền gốc là 22.887.000 (Hai mươi hai triệu, tám trăm tám mươi bảy ngàn) đồng, tiền lãi trong hạn là 16.762.671 (Mười sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi một) đồng, tiền lãi quá hạn là 24.009.514 (Hai mươi bốn triệu, không trăm lẻ chín ngàn, năm trăm mười bốn) đồng.

[1.2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 20/02/2025 trên số tiền nợ còn lại cho đến trả xong khoản nợ, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 298/16/HĐCV/101-60 ngày 11/7/2016 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/298/16/101-60 ngày 11/7/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 3.182.959 (Ba triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, chín trăm năm mươi chín) đồng, ông C phải chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.838.418 (Một triệu, tám trăm ba mươi tám ngàn, bốn trăm mười tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020659 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan